

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- + Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là Tương đương tiền;
- + Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- + Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

**4.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm phí cấp quyền khai thác khoáng sản, phí sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng). Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

3134  
CƠ  
TÁCH NH  
P  
VIỆ  
NH XU

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**4.10. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

**4.12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng. Chi phí phải trả của Công ty gồm tiền lãi vay phải trả, phí sử dụng thương hiệu Vinacomin và các chi phí khác.

**4.13. Dự phòng phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

10-C  
TY  
HỮU  
AM  
T.P

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí (chi phí bóc đất, chi phí sửa chữa lớn,...).

**4.14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 19/05/2014 với mã số doanh nghiệp là 5700289499, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng và được chia thành 16.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	104.594.040.000	104.594.040.000	100%
Các cổ đông khác	55.405.960.000	55.405.960.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**4.15. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**4.16. Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác phát sinh trong kỳ tài chính.

**4.17. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty tạm tính và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 theo mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

***Các loại thuế khác:*** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**4.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

		30/06/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	501.816	4.727.565
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	153.305.412	107.679.624
Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>Cộng</b>		<b>153.807.228</b>	<b>112.407.189</b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2016 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		501.816
<b>Cộng</b>		<b>501.816</b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2016 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
<b>Đồng Việt Nam</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam - CN Cẩm Phả		49.526.011
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Cẩm Phả		56.610.150
Ngân hàng Quốc tế Cẩm Phả		26.724.416
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN - CN Cẩm Phả		12.889.051
Ngân hàng Sài Gòn-Hà Nội (SHB)		3.511.893
Ngân hàng Á Châu (ACB)		4.043.891
Ngoại tệ		-
<b>Tổng cộng</b>		<b>153.305.412</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THẠM - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THẠM TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**  
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty CP Nhiệt Điện Cẩm Phả	21.799.000.000	10.678.859.954 (11.120.140.046)	21.799.000.000	14.511.228.596 (7.287.771.404)
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.799.000.000</b>	<b>10.678.859.954 (11.120.140.046)</b>	<b>21.799.000.000</b>	<b>14.511.228.596 (7.287.771.404)</b>

**5.3 Phải thu khách hàng**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn				
Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	108.574.696.607	108.530.093.735	264.829.272.331	264.766.856.972
Các khoản phải thu khách hàng khác	44.602.872	44.602.872	62.415.359	62.415.359
b. Phải thu của khách hàng dài hạn				
Cộng	108.574.696.607	108.574.696.607	264.829.272.331	264.829.272.331
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Phụ biểu 04				

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.4 Phải thu khác**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>338.471.577</b>	-	<b>309.266.063</b>	-
BHYT, BHXH	1	-	77.215.074	-
Phải thu khác	338.471.576	-	232.050.989	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>23.274.890.385</b>	-	<b>20.716.143.953</b>	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	22.871.780.368	-	20.716.143.953	-
Lãi ký quỹ BVMT	403.110.017	-	403.110.017	-
<b>Cộng</b>	<b>23.613.361.962</b>	-	<b>21.025.410.016</b>	-

**5.5 Hàng tồn kho**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	119.452.359	-	1.797.946.296	-
Công cụ, dụng cụ	17.009.079.511	-	12.293.809.912	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	107.969.044.884	-	13.292.696.225	-
Thành phẩm	41.214.776.684	-	9.457.871.330	-
<b>Cộng</b>	<b>166.312.353.438</b>	-	<b>36.842.323.763</b>	-

**5.6 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>20.349.398.252</b>	-	<b>13.040.889.190</b>	-
Mua sắm	-	-	-	-
XDCB	18.831.984.248	-	13.040.889.190	-
- Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Chàm II	193.345.242	-	11.525.653.027	-
- Dự án mở rộng nhà điều hành sản xuất	18.638.639.006	-	1.515.236.163	-
Sửa chữa	1.517.414.004	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.349.398.252</b>	-	<b>13.040.889.190</b>	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	602.823.900.868	629.190.612.896	1.059.129.329.155	1.023.055.477	2.292.166.898.396
- Mua trong kỳ	-	4.061.113.551	790.197.654	-	4.851.311.205
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	22.554.396.109	-	-	-	22.554.396.109
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.927.581.149)	-	-	-	(2.927.581.149)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>622.450.715.828</b>	<b>633.251.726.447</b>	<b>1.059.919.526.809</b>	<b>1.023.055.477</b>	<b>2.316.645.024.561</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
Số dư đầu kỳ	25.107.331.082	331.602.820.986	656.356.651.256	891.552.688	1.013.958.356.012
- Khấu hao trong năm	35.840.411.228	32.629.894.088	53.283.581.683	35.536.364	121.789.423.363
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(2.725.429.051)	-	-	-	(2.725.429.051)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>58.222.313.259</b>	<b>364.232.715.074</b>	<b>709.640.232.939</b>	<b>927.089.052</b>	<b>1.133.022.350.324</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	577.716.569.786	297.587.791.910	402.772.677.899	131.502.789	1.278.208.542.384
Tại ngày cuối kỳ	564.228.402.569	269.019.011.373	350.279.293.870	95.966.425	1.183.622.674.237
Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:					586.330.561.634
Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:					525.074.806.345
Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:					-

Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính giữa niên độ

11/10/2016



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.8 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	1.732.800.000	365.761.600	1.721.530.593	3.820.092.193
- Mua trong kỳ	-	192.596.995	-	192.596.995
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.732.800.000</b>	<b>558.358.595</b>	<b>1.721.530.593</b>	<b>4.012.689.188</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Số dư đầu kỳ	-	239.502.057	1.620.597.490	1.860.099.547
- Khấu hao trong kỳ	-	64.247.697	25.016.352	89.264.049
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>303.749.754</b>	<b>1.645.613.842</b>	<b>1.949.363.596</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu kỳ	1.732.800.000	126.259.543	100.933.103	1.959.992.646
Tại ngày cuối kỳ	1.732.800.000	254.608.841	75.916.751	2.063.325.592

**5.9 Chi phí trả trước**

	30/06/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.414.937.414</b>	<b>13.361.692.769</b>
Chi phí sửa chữa lớn	3.077.033.522	5.209.285.219
Công cụ, dụng cụ	337.903.892	8.152.407.550
<b>b. Dài hạn</b>	<b>226.076.013.663</b>	<b>164.346.378.902</b>
Phí bảo hiểm cơ giới	46.850.460	99.759.087
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	177.340.935.504	107.461.044.256
Chi phí sửa chữa lớn	37.710.041.771	55.402.644.204
Thuế trước bạ	463.923.766	1.361.132.338
Phí sử dụng số liệu thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của nhà nước	10.503.195.450	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.066.712	21.799.017
<b>Cộng</b>	<b>299.490.951.077</b>	<b>177.708.071.671</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**  
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.10 Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	(VND)		(VND)	
	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ
<b>a.</b>				
Vay ngắn hạn	292.127.786.900	292.127.786.900	414.152.207.870	495.877.739.437
Các khoản vay ngắn hạn	132.937.480.666	132.937.480.666	254.961.901.636	279.887.563.125
Vay ngân hàng	132.937.480.666	132.937.480.666	254.961.901.636	279.887.563.125
Vay dài hạn có hạn trả 12 tháng tới	159.190.306.234	159.190.306.234	159.190.306.234	215.990.176.312
Vay ngân hàng	159.190.306.234	159.190.306.234	159.190.306.234	215.990.176.312
<b>b.</b>				
Vay dài hạn	884.269.243.355	884.269.243.355	(113.573.995.564)	(11.540.394.078)
Các khoản vay dài hạn	1.043.459.549.589	1.043.459.549.589	45.616.310.670	204.449.782.234
Vay ngân hàng	963.459.549.589	963.459.549.589	45.616.310.670	184.449.782.234
Từ 1 năm đến 5 năm	74.504.855.917	74.504.855.917	24.816.310.670	24.247.090.900
Từ trên 5 năm đến 10 năm	888.954.693.672	888.954.693.672	20.800.000.000	160.202.691.334
TĐ CN Than - Khoáng sản Việt Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	-	20.000.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm	80.000.000.000	80.000.000.000	-	20.000.000.000
Vay dài hạn có hạn trả 12 tháng tới	(159.190.306.234)	(159.190.306.234)	(159.190.306.234)	(215.990.176.312)
Vay ngân hàng	(159.190.306.234)	(159.190.306.234)	(159.190.306.234)	(215.990.176.312)
<b>Cộng</b>	<b>1.176.397.030.255</b>	<b>1.176.397.030.255</b>	<b>300.578.212.306</b>	<b>484.337.345.359</b>

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán: 0

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.11 Phải trả người bán**

	30/06/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>149.340.145.306</b>	<b>149.340.145.306</b>	<b>181.059.650.503</b>	<b>181.059.650.503</b>
<i>CN.Cty CP vật tư - TKV. XN vật tư Cẩm Phả</i>	<i>24.878.748.343</i>	<i>24.878.748.343</i>	<i>32.628.748.863</i>	<i>32.628.748.863</i>
<i>Cty CP Hoa Sơn</i>	<i>19.835.196.957</i>	<i>19.835.196.957</i>	<i>18.981.359.565</i>	<i>18.981.359.565</i>
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	<i>104.626.200.006</i>	<i>104.626.200.006</i>	<i>129.449.542.075</i>	<i>129.449.542.075</i>
<b>b. Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>Cộng 149.340.145.306</b>	<b>149.340.145.306</b>	<b>181.059.650.503</b>	<b>181.059.650.503</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan : Phụ biểu 04

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2016 (VND)
<b>a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
Thuế giá trị gia tăng	5.747.028.552	61.900.825.095	57.234.285.336	10.413.568.311
Thuế tài nguyên	56.621.977.022	111.738.904.697	132.811.478.246	35.549.403.473
Thuế nhà đất tiền thuê đất	10.741.500	88.071.409	98.812.909	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.276.483.502	-	28.276.483.502	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.524.870.000	117.589.379.288	118.676.149.288	1.438.100.000
<b>Cộng</b>	<b>93.181.100.576</b>	<b>291.320.180.489</b>	<b>337.100.209.281</b>	<b>47.401.071.784</b>
<b>b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.000.765.236	2.126.093.077	1.125.327.841
Thuế thu nhập cá nhân	1.210.158.180	98.370.811	-	1.111.787.369
<b>Cộng</b>	<b>1.210.158.180</b>	<b>1.099.136.047</b>	<b>2.126.093.077</b>	<b>2.237.115.210</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.13 Chi phí phải trả**

	30/06/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.363.883.488</b>	<b>168.763.000</b>
Chi phí lãi vay	2.325.821.918	-
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	109.900.000	26.827.000
Phí Bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	113.164.635	141.936.000
Phí sử dụng thương hiệu	3.800.706.420	-
Chi phí phải trả khác	14.290.515	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.363.883.488</b>	<b>168.763.000</b>

**5.14 Phải trả khác**

	30/06/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>786.268.947</b>	<b>8.537.098.856</b>
Kinh phí công đoàn	300.311.560	145.156.450
Kinh phí Đảng	237.312.387	-
Các khoản phải trả phải nộp khác	248.645.000	8.391.942.406
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>786.268.947</b>	<b>8.537.098.856</b>

**5.15 Dự phòng phải trả**

	30/06/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>206.896.700.617</b>	<b>-</b>
Trích trước chi phí bóc đất	105.687.255.032	-
Trích trước sửa chữa lớn	40.360.467.544	-
Trích trước tỷ lệ đất đá nổ mìn	14.146.804.226	-
Trích trước giá nhiên liệu đầu vào	46.702.173.815	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>206.896.700.617</b>	<b>-</b>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN  
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ ĐTPT		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	-	-	-	-	232.070.359.084			
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(69.996.055.251)	(69.996.055.251)	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này</b>	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	-	-	-	-	(69.996.055.251)	162.074.303.833		
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	4.054.223.157	4.054.223.157	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	(65.941.832.094)	166.128.526.990						

*Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016

*Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	30/06/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	104.594.040.000	104.594.040.000
Vốn góp của các Cổ đông	55.405.960.000	55.405.960.000
Vốn khác	27.416.985.238	27.416.985.238
<b>Cộng</b>	<b>187.416.985.238</b>	<b>187.416.985.238</b>

*Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)	Năm 2015 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn đầu tư đầu kỳ	160.000.000.000	160.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong kỳ	-	-
Vốn đầu tư giảm trong kỳ	-	-
Vốn đầu tư cuối kỳ	160.000.000.000	160.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

*Cổ phiếu*

	30/06/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>Số lượng CP đăng ký phát hành</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
<b>Số lượng CP đã bán ra công chúng</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>16.000.000</b>	<b>16.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

*Các quỹ của Công ty*

	30/06/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	44.783.373.846	44.783.373.846
<b>Cộng</b>	<b>44.783.373.846</b>	<b>44.783.373.846</b>

*Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất*